TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST
Ngày: 23-4-2021
V/v Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng;

2. Ông Trần Văn Tảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 432/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2020 về "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Ngọc P, sinh năm 1965;

Cư trú tại: Số nhà P, ấp Thạnh T, xã Thạnh T, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; cư trú tại: Khu phố T, Phường Q, thành phố Tây N, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/10/2020); vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1975; vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Tổ O, khu phố M, thị trấn Tân B, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 11 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Bùi Thị Đ có tham gia góp 01 phần hụi trong dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 15/10/2018 do bà Trần Ngọc P làm chủ hụi, gồm 26 hụi viên. Đến ngày 15/01/2019 bà Đ nhờ bà P hốt hụi nhưng không hốt được nên bà P phải tạm ứng đăng cho bà Đ một nửa số tiền của người được hốt lúc đó là 45.850.000 đồng, có làm giấy tờ. Đến ngày 15/6/2019 bà Đ hốt một nửa tiền hụi còn lại, có làm giấy tờ ghi "đã hốt đủ chân hụi ngày 15/10", có ký, ghi họ tên của bà Đ.

Từ khi hốt hụi đến nay, bà Đ không đóng hụi chết cho bà P. Tổng cộng bà Đ nợ bà P tiền hụi chết 85.000.000 đồng và tiền vay 5.000.000 đồng, sau đó bà P và bà Đ có chốt lại số tiền nợ, cụ thể như sau:

Giấy nợ ngày 20/10/2019 bà Đ nợ tiền hụi chết số tiền 20.000.000 đồng do từ ngày 15/6/2019 đến ngày 15/10/2019 đến ngày 15/10/2019 là 04 tháng bà Đ không đóng hụi chết.

Giấy nợ ngày 15/02/2020 bà Đ nợ tiền hụi chết 04 tháng số tiền 20.000.000 đồng.

Giấy nợ ngày 17/4/2020 bà Đ nợ tiền hụi chết 02 tháng số tiền 10.000.000 đồng.

Giấy nợ ngày 17/6/2020 bà Đ nợ tiền hụi chết 02 tháng số tiền 10.000.000 đồng và tiền mượn 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày 17/6/2020 đến ngày mãn hụi tháng 11/2020 là 05 kỳ hụi chết x 5.000.000 đồng = 25.000.000 đồng bà Đ chưa đóng hụi chết cho bà P, đối với 05 kỳ hụi chết này các bên không làm giấy tờ.

Nay bà P yêu cầu bà Bùi Thị Đ và ông Nguyễn Văn T (chồng bà Đ) trả số tiền nợ hụi chết 85.000.000 đồng và tiền nợ vay 5.000.000 đồng. Tổng cộng nợ 90.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 3 năm 2021, bị đơn – bà Bùi Thị Đ trình bày:

Ngày 15/10/2018 dương lịch bà có tham gia 01 phần hụi 5.000.000 đồng do bà Trần Ngọc P làm chủ hụi, gồm 26 phần. Ngày 15/01/2019 bà hốt ½ dây hụi và ngày 15/6/2019 bà hốt ½ dây hụi còn lại. Các giấy nợ bà P cung cấp cho Tòa án bà xác định là do bà viết và ký tên. Tổng cộng nợ là 65.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi, bà có đóng tiền hụi cho bà P nhưng không làm giấy tờ, có những lần bà đóng hụi không đầy đủ thì bà P yêu cầu bà viết giấy nợ và tính tiền lãi. Tuy nhiên, khi đóng tiền hụi và trả tiền lãi cho bà P, bà không làm giấy tờ. Bà cũng không vay của bà P số tiền 5.000.000 đồng, bà chỉ chơi hụi và nợ tiền hụi của bà P 65.000.000 đồng, hụi hiện tại đã mãn. Bà hốt hụi mục đích để trang trải chi tiêu sinh hoạt trong gia đình của vợ chồng bà và ông T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 02 năm 2021, bị đơn – ông Nguyễn Văn T trình bày:

Việc tham gia góp hụi giữa bà Bùi Thị Đ (vợ của ông) và bà Trần Ngọc P như thế nào thì ông không biết. Ông có nghe bà Đ nói đóng hụi cho bà P và cấn trừ nhưng không rõ cụ thể như thế nào. Sự việc tham gia góp hụi chỉ vợ ông biết rõ. Ông thống nhất với lời trình bày của bà Đ. Nếu bà Đ có nợ thì ông đồng ý trả nợ cùng với bà Đ.

Tại phiên tòa:

Bà Trần Ngọc P có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bà Bùi Thị Đ và ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Bà Bùi Thị Đ có tham gia góp 01 phần hụi trong dây hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 15/10/2018, gồm 26 hụi viên do bà Trần Ngọc P làm chủ hụi. Bà Đ có ghi giấy nợ 65.000.000 đồng và từ ngày 17/6/2020 đến mãn hụi tháng 11/2020 bà Đ không đóng 05 kỳ hụi chết số tiền 25.000.000 đồng cho bà P. Như vậy, tổng cộng bà Đ nợ bà P tiền hụi chết 85.000.000 đồng và tiền vay 5.000.000 đồng. Bà Đ chỉ đồng ý cùng với ông T trả cho bà P số tiền còn nợ là 65.000.000 đồng theo giấy tờ đã ký. Bà Đ hốt hụi mục đích chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Xét thấy việc tham gia góp hụi giữa bà P và bà Đ là có thật, việc bà P yêu cầu bà Đ, ông T trả cho bà số tiền nợ hụi và nợ vay tổng cộng 90.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Ngọc P, bà Nguyễn Thị L, bà Bùi Thị Đ, ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà P, bà L, bà Đ và ông T.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Ngọc P khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Đ và ông Nguyễn Văn T trả số tiền nợ hụi và vay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và góp hụi".

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc P yêu cầu bà Bùi Thị Đ và ông Nguyễn Văn T trả số tiền nợ vay và nợ hụi tổng cộng 90.000.000 đồng thấy rằng:

Việc bà Bùi Thị Đ tham gia góp hụi và vay tiền của bà Trần Ngọc P là có thật, được thể hiện qua giấy hụi "ngày 19/01/2019" và các giấy nợ "ngày 20/10/19, ngày 15/2/2020, ngày 17/4/2020, ngày 17/6/2020".

Bà Phấn yêu cầu bà Đ, ông T trả số tiền nợ hụi 85.000.000 đồng và tiền vay 5.000.000 đồng. Bà Đ thừa nhận các giấy nợ do bà P cung cấp cho Tòa án là do bà viết và ký tên nhưng bà chỉ đồng ý trả số tiền 65.000.000 đồng vì đây là tiền hụi và sau khi hốt hụi bà đã đóng hụi chết cho bà P nhưng không làm giấy tờ, có lần đóng hụi không đầy đủ bà P yêu cầu bà viết giấy trong đó có tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các chứng cứ do bà P cung cấp thể hiện giấy nợ bà Đ trực tiếp ký tên tổng số tiền 65.000.000 đồng, bao gồm tiền vay 5.000.000 đồng. Kể từ ngày 17/6/2020 làm giấy nợ số tiền 15.000.000 đồng tính đến khi mãn hụi tháng 11/2020 thì bà Đ tiếp tục không đóng 05 kỳ hụi chết x 5.000.000 đồng = 25.000.000 đồng. Bà Đ cũng không có chứng cứ chứng minh về việc đóng tiền lãi cho bà P và giấy nợ có ghi tiền lãi. Như vậy, bà Đ còn nợ bà P tiền hụi 85.000.000 đồng và tiền vay 5.000.000 đồng, tổng cộng 90.000.000 đồng.

[4] Việc bà Đ nợ tiền vay và đã lĩnh hụi nhưng không góp hụi cho bà P khi đến kỳ mở hụi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và vi phạm nghĩa vụ của hụi viên. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà P là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 471 của Bộ Luật Dân sự; Điều 16, Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hụi, họ, biêu, phường, buộc bà Bùi Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Trần Ngọc P số tiền vay và tiền hụi 90.000.000 đồng.

[5] Về trách nhiệm trả nợ: Bà Trần Ngọc P yêu cầu bà Bùi Thị Đ và ông Nguyễn Văn T cùng có trách nhiệm trả số nợ vay và nợ hụi tổng cộng 90.000.000 đồng. Lý do bà P yêu cầu bà Đ và ông T cùng trả nợ vì bà Đ, ông T là vợ chồng, bà Đ tham gia góp hụi mục đích lấy vốn làm ăn, trang trải sinh hoạt trong gia đình, việc này được bà Đ thừa nhận. Ông T trình bày nếu bà Đ có nợ thì ông đồng ý trả nợ cùng bà Đ.

[6] Xét lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Đ sử dụng số tiền nợ bà P vào việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình của bà và ông T. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà P là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 471 của Bộ Luật Dân sự; Điều 16, Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hụi, họ, biêu, phường; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình buộc ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Ngọc P số tiền hụi và tiền vay tổng cộng 90.000.000 đồng. Ghi nhận bà P không yêu cầu tính tiền lãi.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Ngọc P không phải chịu án phí. Do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc P được chấp nhận nên bà Bùi Thị Đ và ông Nguyễn Văn T phải chịu 4.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463; Điều 466; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 16, Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hụi, họ, biêu, phường; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc P về "Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản và góp hụi".

Buộc bà Bùi Thị Đ và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Ngọc P số tiền nợ vay 5.000.000 đồng và nợ hụi 85.000.000 đồng. Tổng cộng 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà P không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trần Ngọc P cho đến khi thi hành án xong, bà Bùi Thị Đ và ông Nguyễn Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Bùi Thị Đ và ông Nguyễn Văn T phải chịu 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Ngọc P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Ngọc P 2.250.000 (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004718 ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA TAT;
- VKS huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ P.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Phương